TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2018/DS-PT
Ngày: 08-8-2018
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Khải
Các Thẩm phán: Ông Mai Thiện Kế
Bà Trương Tố Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc *"Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 24-4-2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2018/QĐ-PT, ngày 20-6-2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị T, sinh năm 1979, địa chỉ: Số *, ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh H (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1993, địa chỉ: Số *, ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh H, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T, theo Giấy ủy quyền ngày 08-5-2018 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim B (L), sinh năm 1978, địa chỉ: Số *, khóm T, Phường y, thị xã N, tỉnh S (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Trần Văn H, sinh năm 1975, địa chỉ: Số *, khóm T, Phường y, thị xã N, tỉnh S (vắng mặt).

2/. Ông Nguyễn Văn L (P), sinh năm 1978, địa chỉ: Số *, ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh H (vắng mặt).

3/. Ông Lâm Văn N, sinh năm 1965 (có mặt).

4/. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

5/. Ông Lâm Văn Đ (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số *, khóm T, Phường y, thị xã N, tỉnh S.

6/. Ông Hứa Văn Đ2, sinh năm 1933 (vắng mặt).

7/. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1940 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số *, khóm T, Phường y, thị xã N, tỉnh S.

8/. Ngân hàng N.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Tấn H, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã N, tỉnh S (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm x, Phường y, thị xã N, tỉnh S.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lâm Thị T.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18-5-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày:

Vào năm 2011, bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng người anh ruột của bà là ông Lâm Văn N, vợ là bà Nguyễn Thị H phần đất ruộng 02 công tầm cấy tại thửa số 605, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại khóm T1, Phường y, thị xã N, tỉnh S, với giá 76 triệu đồng. Vào năm 2012, bà nhận chuyển nhượng tiếp của ông N 03 công tầm cấy đất ruộng tại thửa số 605 nêu trên với giá 150 triệu đồng. Việc chuyển nhượng đất nêu trên hai bên có làm giấy trao tay vào ngày 15-01-2012, hai bên đều ký tên vào giấy và có hai người làm chứng là ông Lê Hoàng X và ông Lê Văn Y ký tên. Ngoài ra còn có con của ông N, bà H là ông Lâm Văn Đ cũng ký tên vào giấy.

Các phần đất nêu trên do vợ chồng ông Lâm Văn N nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Hứa Văn Đ2 vào năm 2000 diện tích 3,5 công tầm cấy và nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Trịnh Văn K vào năm 2010 (hai phần đất trên nằm cạnh nhau), nhưng chưa tiến hành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà canh tác phần đất trên đến năm 2013 thì ông N về năn nỉ bà cho ông N mượn lại 2,5 công, sau đó, ông N cầm cố hay chuyển nhượng đất đó cho ông Trịnh Văn N2 và bà Võ Thị H2 bà không rõ. Đến năm 2015, bà Nguyễn Thị M vào lấy 01 công đất ông N2 để canh tác, còn bà Nguyễn Thị Kim B (L) vào chiếm 01 công tầm cấy (diện tích theo đo đạc thực tế là 1.350,1m^2 của bà đang canh tác cho đến nay.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim B và chồng là ông Trần Văn H phải trả phần đất nêu trên và bồi thường thiệt hại do gia đình bà không canh tác được trên đất trong 04 vụ lúa, với số tiền là 18 triệu đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B trình bày và yêu cầu (yêu cầu phản tố):

Ông Lâm Văn N có tham gia chơi hụi do bà làm chủ, ông N đã hốt hụi nhưng không chịu đóng hụi và bỏ trốn, đến ngày 10-7-2016 hụi mãn nhưng ông N vẫn không chịu đóng tiền hụi chết cho bà với số tiền là 80 triệu đồng. Vì vậy, bà mới vào lấy đất của ông N để canh tác. Khi nào ông N trả tiền nợ hụi cho bà thì bà trả lại đất cho ông N.

Việc ông N và bà T làm giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không có thật mà chỉ nhằm mục đích tẩu tán tài sản vì ông N và bà T là anh em ruột, vì vậy bà không đồng ý giao trả đất cho bà T và cũng không đồng ý bồi thường thiệt hại như bà T yêu cầu.

Bà yêu cầu ông N phải trả bà số tiền 80 triệu đồng nợ hụi và trả tiền lãi theo quy định, nếu trả một lần thì bà lấy trước 50 triệu đồng, còn lại 30 triệu đồng thì khi nào trả cũng được. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B yêu cầu ông N trả 80 triệu đồng và không yêu cầu trả tiền lãi.

Ông Trần Văn H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim B.

Ông Hứa Văn Đ2 và bà Trần Thị T2 trình bày:

Vào năm nào không nhớ nhưng đã lâu lắm rồi, vợ chồng ông bà có chuyển nhượng cho ông Lâm Văn N khoảng 03 công tầm cấy đất ruộng thuộc thửa số 605, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại khóm T, Phường y, thị xã N, tỉnh S, với giá mỗi công từ 01 đến 02 chỉ vàng 24K, vẫn chưa tách quyền sử dụng đất cho ông N. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bà đang thế chấp cho Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã N từ năm 2015 để vay 80 triệu đồng, hiện nay chưa trả nợ, nhưng vẫn nộp tiền lãi hàng tháng, đến tháng 11-2018 mới đáo hạn hợp đồng. Khi nào trả hết nợ cho Ngân hàng, ông bà đồng ý tách quyền sử dụng đất cho ông N.

Ông Lâm Văn N trình bày:

Vào năm 2000, ông có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Hứa Văn Đ2 3,5 công tầm cấy đất ruộng tại địa chỉ nêu trên. Đến năm 2010, ông có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Trịnh Văn K 1,5 công tầm cấy đất ruộng cạnh phần đất nêu trên. Việc nhận chuyển nhượng các phần đất nêu trên các bên chỉ làm giấy trao tay, chưa tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định.

Vào năm 2011, ông chuyển nhượng lại cho em ruột của ông là bà Lâm Thị T 02 công tầm cấy, trong đó có 1,5 công đất ông đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông K và 0,5 công ông đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Đ2. Đến năm 2012, ông tiếp tục chuyển nhượng cho bà T 02 công tầm cấy mà ông đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Đ2 vào năm 2000. Việc chuyển nhượng đất

nêu trên hai bên có làm giấy trao tay vào ngày 15-01-2012. Bà T đã nhận đất canh tác từ khi nhận chuyển nhượng đất.

Đến năm 2013, ông có mượn lại của bà T 2,5 công để cầm cố cho vợ chồng người chị vợ là bà Nguyễn Thị H2 và ông Trịnh Văn N2 (hiện nay bà H2 đang cho ông Võ Văn C thuê đất để canh tác). Đến tháng 10-2015 bà Nguyễn Thị Kim B vào chiếm 01 công đất tầm cấy của bà T để canh tác. Bà Nguyễn Thị M cũng nói vào chiếm 01 công mà bà H2 đang cho thuê để canh tác nhưng trên thực tế bà M không vào chiếm đất. Hiện nay bà T đang còn canh tác 1,5 công tầm cấy. Ông đã chuyển nhượng đất cho bà T rồi nên ông yêu cầu bà B phải trả đất cho bà T 01 công đất nêu trên.

Ông thừa nhận trước đây ông có chơi hụi do bà Nguyễn Thị Kim B làm chủ và hụi đã mãn vào ngày 10-7-2016, ông còn nợ tiền hụi là 80 triệu đồng. Ông đồng ý trả số tiền nợ hụi nêu trên cho bà B nhưng xin được trả mỗi tháng 01 triệu đồng cho đến khi trả dứt nợ vì gặp khó khăn về kinh tế. Ông không đồng ý trả tiền lãi đối với số tiền nêu trên.

Bà Nguyễn Thị H và ông Lâm Văn Đ đều thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Lâm Văn N.

Ông Nguyễn Văn L trình bày:

Sau khi mẹ của ông là bà Lâm Thị T nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông N thì vợ chồng ông là người trực tiếp canh tác phần đất nhận chuyển nhượng. Cuối năm 2015, bà Nguyễn Thị Kim B vào chiếm 01 công đất tầm cấy như mẹ của ông trình bày. Ông thống nhất với yêu cầu của mẹ ông.

Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã N, tỉnh S chỉ cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm các tài liệu, chứng cứ về việc cho ông Hứa Văn Đ2 vay tiền vào năm 2015, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu.

Tại bản án sơ thẩm số 24/2018/DS-ST, ngày 24-4-2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Căn cứ các khoản 3, 6 và 9 Điều 26; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 2 và 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27-11-2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường. Căn cứ các điểm a và b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27-02-2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim B và ông Trần Văn H trả lại 01 công tầm cấy đất ruộng, có diện tích thực tế là 1.350,1m^2, một phần thửa số 605, tờ bản đồ số 03, tọa lạc khóm T, Phường y, thị xã N, tỉnh S, có số đo tứ cạnh như sau: Hướng Đông giáp

với phần đất ông Lâm Văn N nhận sang nhượng (bà Nguyễn Thị M đang canh tác), có số đo 71,8m. Hướng Tây giáp với phần đất ông Lâm Văn N nhận sang nhượng (Bà Lâm Thị T đang canh tác), có số đo 67m. Hướng Nam giáp với kênh thủy lợi, có số đo 20m. Hướng Bắc giáp với ông Lê Văn Y, có số đo 20m.

2. Buộc ông Lâm Văn N và bà Nguyễn Thị H trả cho bà Nguyễn Thị Kim B số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 10-7-2016 đến khi xét xử của bà Kim B đối với ông N và bà H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm trong trường hợp chậm thi hành án, trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03-5-2018 và ngày 09-5-2018, nguyên đơn bà Lâm Thị T có đơn kháng cáo và đơn xin thay đổi, bổ sung kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B phải trả lại cho nguyên đơn phần đất diện tích 1.350,1m^2, thuộc một phần của thửa số 605, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại khóm T, Phường y, thị xã N, tỉnh S mà bà B đã bao chiếm trái phép, đồng thời buộc bà B phải bồi thường thiệt hại cho bà do không canh tác được trong 06 vụ lúa, với số tiền là 12 triệu đồng.

Ngày 03-5-2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 02/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 24/2018/DS-ST ngày 24-4-2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị T, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B trả lại cho nguyên đơn bà T phần đất sử dụng không có căn cứ pháp luật, đồng thời buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn do không canh tác được trên đất trong thời gian bị bao chiếm trái phép.

- Điều chỉnh lại địa chỉ phần đất tranh chấp là tại khóm T1, Phường y, thị xã N, tỉnh S, chứ không phải khóm T như Tòa án cấp sơ thẩm ghi trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm nêu trên.

- Buộc ông Lâm Văn N và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nợ hụi phải trả, đồng thời quyết định trả cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền 02 triệu đồng. Vì Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định các vấn đề nêu trên là có thiếu sót.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị T không rút đơn khởi kiện và thay đổi một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn là chỉ yêu cầu bà Ba bồi thường thiệt hại với số tiền là 8.000.000 đồng; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B không rút yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị nêu trên của Viện trưởng Viện kiểm sát

nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 24-4-2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả phần đất tranh chấp và bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn do không canh tác được trên đất trong thời gian bị bị đơn bao chiếm trái phép, với số tiền là 6.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng các ông, bà Trần Văn H, Nguyễn Thị H, Lâm Văn Đ, Hứa Văn Đ2 và Trần Thị T2 vẫn vắng mặt không rõ lý do, riêng người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N và ông Nguyễn Văn L (P) vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Lâm Thị T kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B phải trả lại cho nguyên đơn phần đất diện tích 1.350,1m^2, thuộc một phần của thửa số 605, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại khóm T1, Phường y, thị xã N, tỉnh S mà bà B đã bao chiếm trái phép, đồng thời buộc bà B phải bồi thường thiệt hại cho bà do không canh tác được trong 06 vụ lúa, với số tiền là 12 triệu đồng. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng kháng nghị yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B trả lại cho nguyên đơn bà T phần đất nêu trên do sử dụng không có căn cứ pháp luật (trái phép), đồng thời buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn do không canh tác được trên đất trong thời gian bị đơn sử dụng đất trái phép.

[3] Xét thấy:

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ông Hứa Văn Đ2 và bà Trần Thị T2 thừa nhận: Trước đây, vợ chồng ông bà có chuyển nhượng cho ông Lâm Văn N khoảng 03 công tầm cấy đất ruộng thuộc thửa số 605, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại khóm T1, Phường y, thị xã N, tỉnh S, vẫn chưa tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông N do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bà đang thế chấp cho Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã N từ năm 2015 để vay tiền, hiện nay chưa trả nợ, đến tháng 11-2018 mới đáo hạn hợp đồng. Khi nào trả hết nợ cho Ngân hàng, ông bà đồng ý làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông N theo quy định.

[5] Ông Lâm Văn N thừa nhận vào năm 2000, ông có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Hứa Văn Đ2 phần đất ruộng tại địa chỉ nêu trên. Việc chuyển nhượng các phần đất nêu trên hai bên chỉ làm giấy trao tay, chưa tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định. Vào năm 2011 và năm 2012, ông chuyển nhượng lại cho em ruột của ông là bà Lâm Thị T phần đất nêu trên. Việc chuyển nhượng đất nêu trên hai bên có làm giấy trao tay vào ngày 15-01-2012. Ông đã nhận đủ tiền chuyển nhượng đất và bà T đã nhận đất canh tác từ khi nhận chuyển nhượng đất. Khi nào ông Đ2 và bà T2 làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông thì ông cũng tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà T theo quy định của pháp luật.

[6] Như vậy, việc các đương sự chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nhau đối với phần đất nêu trên là có xảy ra trên thực tế và đều được các bên thừa nhận. Vợ chồng ông Đ2, bà T2 đã nhận đủ tiền chuyển nhượng đất của ông N, ông N đã nhận đất để canh tác nhiều năm, không có tranh chấp; ông N đã nhận đủ tiền chuyển nhượng đất của bà T và bà T đã nhận đất để canh tác trong thời gian khoảng 03 năm, không có tranh chấp. Mặt khác, các đương sự nêu trên đều không yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Mặc dù bà T chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà T đang là người quản lý, sử dụng đất, được sự đồng ý của ông N. Bà Nguyễn Thị Kim B lấy lý do ông Lâm Văn N còn thiếu nợ tiền hụi của bà nên vào bao chiếm phần đất bà T đang quản lý, sử dụng là không có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà B cũng thừa nhận lúc bà vào lấy đất để canh tác (đầu năm 2015) bà T đang quản lý, sử dụng phần đất trên.

[7] Vì vậy, bà Lâm Thị T có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim B giao trả phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nay là khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015).

[8] Do gia đình bà B đã thực hiện hành vi bao chiếm đất trái phép dẫn đến việc bà T không sử dụng đất được để trồng lúa trong 03 năm rưỡi (07 vụ lúa, trong đó 03 vụ lúa đông xuân và 03 vụ hè thu), nên bà B và gia đình phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà T theo quy định của pháp luật. Theo lời trình bày của một số người làm chứng có đất canh tác lúa tại địa phương gần phần đất tranh chấp nêu trên thì một năm tại địa phương làm 02 vụ lúa, riêng vụ đông xuân năm 2015-2016, năm 2016-2017 và 2017-2018 sau khi trừ các chi phí, có lời (lãi) khoảng 02 triệu đồng/01 công tầm cấy, còn vụ hè thu (xạ chay) thì không có lời, thậm chí còn bị lỗ. Bà Nguyễn Thị Kim B canh tác trên đất từ vụ đông xuân năm 2015-2016 đến vụ đông xuân năm 2017-2018 là 03 vụ, lãi mỗi vụ 02 triệu đồng, còn 04 vụ hè thu năm 2015, 2016, 2017 và năm 2018 coi như không có lãi. Vì vậy, cần buộc bà B và gia đình bà B phải bồi thường thiệt hại cho bà T 06 (sáu) triệu đồng là hợp lý.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị T về việc buộc bà Nguyễn Thị Kim B giao trả phần đất tranh chấp với lý do "bà T

không phải là chủ thể có đủ điều kiện để khởi kiện đòi lại đất" là không đúng quy định của pháp luật như đã phân tích ở các phần trên. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lâm Thị T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim B, ông Trần Văn H phải giao trả phần đất tranh chấp nêu trên và bồi thường thiệt hại cho bà Lâm Thị T với số tiền nêu trên.

[10] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có một số thiếu sót cần rút kinh nghiệm như sau:

[11] - Phần đất tranh chấp tọa lạc tại khóm T1, Phường y, thị xã N, tỉnh S nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại ghi là khóm T là không chính xác. Cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cho đúng.

[12] - Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông Lâm Văn N và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim B 80 triệu đồng tiền nợ hụi, nhưng lại không buộc ông N và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cũng như không quyết định trả lại cho bà B số tiền 02 triệu đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là có thiếu sót. Cấp phúc thẩm sẽ quyết định bổ sung cho đầy đủ.

[13] Như vậy, toàn bộ nội dung yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[14] Do bản án sơ thẩm bị cải sửa, nên phần trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm cũng phải được xác định lại cho phù hợp. Như sau:

[15] - Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do bà T đã nộp tạm ứng số tiền trên và Tòa án đã sử dụng hết, nên bà B phải nộp số tiền nêu trên để trả lại cho bà Lâm Thị T.

[16] - Nguyên đơn bà Lâm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tổng cộng 1.662.500 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000536 ngày 20-5-2016 và số 0008003 ngày 27-9-2017.

[17] - Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B phải chịu 1.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ giao trả đất tranh chấp và nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn bà T. Khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004454 ngày 28-10-2016, bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chênh lệch thừa đã nộp là 600.000 đồng.

[18] - Ông Lâm Văn N và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu 4.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[19] Các phần khác của bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét lại và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[20] Đối với yêu cầu của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N tại "Đơn xin xét xử vắng mặt" ngày 27-6-2018 về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Văn Đ2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký số 7609LA V201504198, ngày 27-11-2015, với số tiền vay là 80 triệu đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày vay, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Ngân hàng N không có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Hứa Văn Đ2 trả số nợ nêu trên và Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa vấn đề này ra để xem xét, giải quyết, vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm cũng không có thẩm quyền giải quyết đối với yêu cầu nêu trên tại phiên tòa phúc thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu nêu trên của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[21] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên người kháng cáo là nguyên đơn bà Lâm Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001401 ngày 03-5-2018.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lâm Thị T.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03-5-2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 24-4-2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B (L) và chồng là ông Trần Văn H trả lại 01 (một) công tầm cấy đất ruộng (diện tích theo đo đạc thực tế là 1.350,1m^2),

thuộc một phần của thửa số 605, tờ bản đồ số 03, tọa lạc khóm T1, Phường y, thị xã N, tỉnh S, có số đo tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp với phần đất ông Lâm Văn N nhận chuyển nhượng (bà Nguyễn Thị M đang canh tác), có số đo 71,8m;

- Hướng Tây giáp với phần đất ông Lâm Văn N nhận chuyển nhượng (bà Lâm Thị T đang canh tác), có số đo 67m;

- Hướng Nam giáp với kênh thủy lợi, có số đo 20m;

- Hướng Bắc giáp với đất ông Lê Văn Y, có số đo 20m.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B (L) và ông Trần Văn H phải liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn bà Lâm Thị T với số tiền là 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà B (L) và ông H còn phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Buộc ông Lâm Văn N và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim B (L) số tiền nợ hụi là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà B (L) có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông N và bà H còn phải trả lãi cho bà B (L) theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Về trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B (L) phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà B (L) phải nộp số tiền nêu trên để trả lại cho nguyên đơn bà Lâm Thị T. Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà B (L) còn phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Lâm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tổng cộng 1.662.500đ (một triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000536 ngày 20-5-2016 và số 0008003 ngày 27-9-2017.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B (L) phải chịu 1.400.000đ (một triệu, bốn trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004454 ngày 28-10-2016, bà B (L) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chênh lệch thừa đã nộp là 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng).

- Ông Lâm Văn N và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu 4.000.000đ (bốn

triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

II/. Các phần khác trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm nêu trên không ghi trong phần Quyết định này, có hiệu lực pháp luật.

III/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Lâm Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà T được nhận lại số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001401 ngày 03-5-2018.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Đức Khải

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.